

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE - PE 100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 14-07-2023 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	PN				PN			PN		
	06 bar				08 bar			10 bar		
	DN	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét	
1	32							2.0	13,182	14,237
2	40				2.0	16,636	17,967	2.4	20,091	21,698
3	50				2.4	25,818	27,883	3.0	30,818	33,283
4	63				3.0	40,091	43,298	3.8	49,273	53,215
5	75				3.6	57,000	61,560	4.5	70,273	75,895
6	90				4.3	90,000	97,200	5.4	99,727	107,705
7	110	4.2	97,273	105,055	5.3	120,818	130,483	6.6	151,091	163,178
8	125	4.8	125,818	135,883	6.0	156,000	168,480	7.4	190,727	205,985
9	140	5.4	157,909	170,542	6.7	194,273	209,815	8.3	238,091	257,138
10	160	6.2	206,909	223,462	7.7	255,091	275,498	9.5	312,909	337,942
11	180	6.9	258,545	279,229	8.6	321,182	346,877	10.7	393,909	425,422
12	200	7.7	321,091	346,778	9.6	400,091	432,098	11.9	493,636	533,127
13	225	8.6	402,818	435,043	10.8	503,818	544,123	13.4	606,727	655,265
14	250	9.6	499,000	538,920	11.9	614,818	664,003	14.8	751,727	811,865
15	280	10.7	618,818	668,323	13.4	784,273	847,015	16.6	936,636	1,011,567
16	315	12.1	789,091	852,218	15.0	982,455	1,061,051	18.7	1,192,727	1,288,145
17	355	13.6	1,002,273	1,082,455	16.9	1,235,455	1,334,291	21.1	1,515,727	1,636,985
18	400	15.3	1,264,455	1,365,611	19.1	1,584,364	1,711,113	23.7	1,926,000	2,080,080
19	450	17.2	1,615,909	1,745,182	21.5	1,988,727	2,147,825	26.7	2,433,727	2,628,425
20	500	19.1	1,967,909	2,125,342	23.9	2,467,091	2,664,458	29.7	3,026,455	3,268,571
21	560	21.4	2,702,727	2,918,945	26.7	3,332,727	3,599,345	33.2	4,091,818	4,419,163
22	630	24.1	3,424,545	3,698,509	30.0	4,210,909	4,547,782	37.4	5,182,727	5,597,345
23	710	27.2	4,360,000	4,708,800	33.9	5,369,091	5,798,618	42.1	6,586,364	7,113,273
24	800	30.6	5,521,818	5,963,563	38.1	6,805,455	7,349,891	47.4	8,351,818	9,019,963
25	900	34.4	6,983,636	7,542,327	42.9	8,610,909	9,299,782	53.3	10,564,545	11,409,709
26	1000	38.2	8,617,273	9,306,655	47.7	10,639,091	11,490,218	59.3	13,056,364	14,100,873
27	1200	45.9	12,411,818	13,404,763	57.2	15,312,727	16,537,745	71.1	17,985,455	19,424,291
28	1400	53.5	19,950,000	21,546,000	66.7	24,601,636	26,569,767	83.0	29,995,909	32,395,582
29	1600	61.2	26,075,000	28,161,000	76.2	32,123,636	34,693,527	94.8	39,153,182	42,285,437
30	1800	68.8	33,118,727	35,768,225	85.8	40,627,364	43,877,553			
31	2000	76.4	40,923,727	44,197,625	95.3	50,163,727	54,176,825			
Khuyến cáo: Ống và phụ kiện hàn HDPE cần tương thích về vật liệu (PE100/PE80) và độ dày/áp lực (PN)										

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE - PE 100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 14-07-2023 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	San phẩm	PN			PN			PN		
		12.5 bar			16 bar			20 bar		
		Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán
		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét	
32	20				2.0	7,727	8,345	2.3	9,091	9,818
33	25	2.0	9,818	10,603	2.3	11,727	12,665	3.0	13,727	14,825
34	32	2.4	16,091	17,378	3.0	18,818	20,323	3.6	22,636	24,447
35	40	3.0	24,273	26,215	3.7	29,182	31,517	4.5	34,636	37,407
36	50	3.7	37,091	40,058	4.6	45,273	48,895	5.6	53,545	57,829
37	63	4.7	59,727	64,505	5.8	71,182	76,877	7.1	85,273	92,095
38	75	5.6	84,727	91,505	6.8	101,091	109,178	8.4	120,727	130,385
39	90	6.7	120,545	130,189	8.2	144,727	156,305	10.1	173,273	187,135
40	110	8.1	180,545	194,989	10.0	218,000	235,440	12.3	262,364	283,353
41	125	9.2	232,455	251,051	11.4	282,000	304,560	14.0	336,273	363,175
42	140	10.3	288,364	311,433	12.7	349,636	377,607	15.7	420,545	454,189
43	160	11.8	376,273	406,375	14.6	462,364	499,353	17.9	551,636	595,767
44	180	13.3	479,727	518,105	16.4	581,636	628,167	20.1	697,455	753,251
45	200	14.7	587,818	634,843	18.2	727,727	785,945	22.4	867,727	937,145
46	225	16.6	743,091	802,538	20.5	889,727	960,905	25.2	1,073,182	1,159,037
47	250	18.4	923,909	997,822	22.7	1,106,909	1,195,462	27.9	1,324,364	1,430,313
48	280	20.6	1,158,364	1,251,033	25.4	1,387,273	1,498,255	31.3	1,658,818	1,791,523
49	315	23.2	1,448,818	1,564,723	28.6	1,756,000	1,896,480	35.2	2,113,182	2,282,237
50	355	26.1	1,837,545	1,984,549	32.2	2,229,273	2,407,615	39.7	2,680,727	2,895,185
51	400	29.4	2,326,364	2,512,473	36.3	2,841,000	3,068,280	44.7	3,414,182	3,687,317
52	450	33.1	2,941,364	3,176,673	40.9	3,595,909	3,883,582	50.3	4,316,091	4,661,378
53	500	36.8	3,660,545	3,953,389	45.4	4,457,545	4,814,149	55.8	5,338,545	5,765,629
54	560	41.2	4,994,545	5,394,109	50.8	6,032,727	6,515,345			
55	630	46.3	6,312,727	6,817,745	57.2	7,167,273	7,740,655			
56	710	52.2	8,031,818	8,674,363	64.5	9,723,636	10,501,527			
57	800	58.8	8,578,182	9,264,437						
58	900	66.1	12,907,273	13,939,855						
59	1000	73.5	15,720,909	16,978,582						

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 14-07-2023 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	San Phẩm	PN	Nối thẳng phun		Co phun (Nối góc 90°)		Tê phun (Ba chạc 90°)		Đầu bịt phun		Mặt bích phun	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
1	20	16.0	17,000	18,360	21,091	22,778	21,455	23,171	8,636	9,327		
2	25	16.0	25,545	27,589	24,182	26,117	30,727	33,185	10,000	10,800		
3	32	16.0	33,091	35,738	33,091	35,738	35,636	38,487	17,000	18,360		
4	40	10.0									14,000	15,120
5	40	16.0	49,182	53,117	52,636	56,847	69,545	75,109	29,727	32,105		
6	50	10.0									20,091	21,698
7	50	16.0	63,982	69,101	68,182	73,637	111,455	120,371	42,636	46,047		
8	63	10.0									44,727	48,305
9	63	16.0	84,273	91,015	114,364	123,513	133,636	144,327	63,909	69,022	44,727	48,305
10	75	10.0	134,727	145,505	158,091	170,738	211,818	228,763	96,636	104,367	70,909	76,582
11	75	16.0									70,909	76,582
12	90	10.0	235,364	254,193	268,909	290,422	395,364	426,993	153,364	165,633	106,364	114,873
13	90	16.0									106,364	114,873
14	110	10.0									141,545	152,869
15	110	16.0									141,545	152,869
16	125	10.0									172,727	186,545
17	125	16.0									172,727	186,545
18	140	10.0									220,909	238,582
19	140	16.0									220,909	238,582
20	160	10.0									263,636	284,727
21	160	16.0									263,636	284,727
22	180	10.0									440,818	476,083
23	180	16.0									440,818	476,083

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 14-07-2023 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	ĐK danh nghĩa	PN	Nối chuyển bậc phun (Nối giảm phun)		Tê chuyển bậc phun Ba chạc 90° chuyển bậc phun		Đầu nối chuyển bậc phun dán	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
		bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
24	25-20	16.0	25,364	27,393	39,091	42,218		
25	32-20	16.0	35,091	37,898	53,091	57,338		
26	32-25	16.0	35,727	38,585	53,727	58,025		
27	40-20	16.0	36,727	39,665	63,636	68,727		
28	40-25	16.0	38,364	41,433	69,909	75,502		
29	40-32	16.0	43,636	47,127	65,273	70,495		
30	50-25	16.0	44,909	48,502	77,455	83,651		
31	50-32	16.0	46,091	49,778	98,727	106,625		
32	50-40	16.0	57,818	62,443	95,636	103,287		
33	63-20	16.0	61,091	65,978				
34	63-25	16.0	72,364	78,153	110,091	118,898		
35	63-32	16.0			111,727	120,665		
36	63-40	16.0	79,909	86,302	116,818	126,163		
37	63-50	16.0	80,909	87,382	118,273	127,735		
38	75-50	10.0	130,909	141,382	233,455	252,131		
39	75-63	10.0	152,727	164,945	211,636	228,567		
40	90-63	10.0	174,909	188,902	377,000	407,160		
41	90-75	10.0	235,636	254,487	405,364	437,793		
42	40-32-25-20	10.0					4,455	4,811
43	90-63-50-32-20	10.0					8,000	8,640
44	90-75-63	10.0					31,545	34,069
45	125-110-90	10.0					83,091	89,738
46	160-140-125	10.0					129,727	140,105
47	200-180-160	10.0					176,818	190,963

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 14-07-2023 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	San Phẩm		Nối thẳng ren ngoài phun		Nối thẳng ren trong phun		Co ren ngoài phun		Đai khởi thủy phun		Đai khởi thủy ren trong đồng phun	
	ĐK danh nghĩa	ĐK thực tế	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
48	20-1/2"	16.0	12,000	12,960	10,545	11,389	12,545	13,549				
49	20-3/4"	16.0	12,000	12,960		-	12,545	13,549				
50	25-1/2"	16.0	13,909	15,022	15,273	16,495	14,818	16,003				
51	25-3/4"	16.0	13,909	15,022	14,455	15,611	14,182	15,317				
52	25-1"	16.0	13,909	15,022								
53	32-1/2"	16.0							21,091	22,778		
54	32-3/4"	16.0	16,727	18,065					21,091	22,778		
55	32-1"	16.0	16,909	18,262	22,364	24,153	23,364	25,233				
56	32-1.1/4"	16.0	17,273	18,655								
57	40-1/2"	16.0							31,000	33,480		
58	40-3/4"	16.0							31,000	33,480		
59	40-1.1/2"	16.0	28,455	30,731								
60	40-1.1/4"	16.0	29,636	32,007	57,545	62,149	41,273	44,575				
61	40-1"	16.0	29,636	32,007								
62	40-2"	16.0	32,182	34,757								
63	50-1/2"	16.0							37,818	40,843	46,273	49,975
64	50-3/4"	16.0							37,818	40,843	73,818	79,723
65	50-1"	16.0							37,818	40,843		
66	50-2"	16.0	52,636	56,847								
67	50-1.1/2"	16.0	34,909	37,702	60,909	65,782	59,273	64,015				
68	50-1.1/4"	16.0	51,818	55,963								
69	63-1/2"	16.0							53,727	58,025	72,818	78,643
70	63-1"	16.0							53,727	58,025		
71	63-2"	16.0	61,364	66,273			91,727	99,065				
72	63-1.1/2"	16.0	60,636	65,487								
73	63-2.1/2"	10.0	60,364	65,193								

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 14-07-2023 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	ĐK danh nghĩa	bar	Nối thẳng ren ngoài phun		Đai khởi thủy phun		Đai khởi thủy ren trong đồng phun		Lợi phun (Nối góc 45 độ)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
74	63	16.0							107,455	116,051
75	63-3/4"	16.0			53,727	58,025	87,091	94,058		
76	63-1.1/4"	16.0			57,545	62,149				
77	75-1"	16.0			68,182	73,637				
78	75-1/2"	16.0			68,182	73,637	88,455	95,531		
79	75-2"	10.0	97,273	105,055						
80	75-3/4"	16.0			68,182	73,637				
81	75-1.1/4"	16.0			72,364	78,153				
82	75-1.1/2"	16.0			72,364	78,153				
83	75-2"	16.0			75,273	81,295				
84	75-2.1/2"	10.0	92,182	99,557						
85	90-1"	16.0			81,636	88,167				
86	90-2"	10.0	135,545	146,389						
87	90-2"	16.0			84,545	91,309				
88	90-3"	10.0	149,636	161,607						
89	90-2.1/2"	10.0	139,909	151,102						
90	90-1/2"	16.0			81,636	88,167	134,636	145,407		
91	90-3/4"	16.0			81,636	88,167	136,636	147,567		
92	90-1.1/2"	16.0			81,636	88,167				
93	90-1.1/4"	16.0			84,545	91,309				
94	110-1/2"	16.0			129,273	139,615	173,545	187,429		
95	110-1"	16.0			122,636	132,447				
96	110-2"	16.0			122,636	132,447				
97	110-3/4"	16.0			129,273	139,615	193,182	208,637		
98	110-1.1/2"	16.0			113,818	122,923				
99	110-1.1/4"	16.0			113,818	122,923				



CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
 VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
 ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
 Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
 ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 14-07-2023 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	San Phẩm DN ĐK đánh nghĩa		Co PE100 hàn (Nối góc 90°)		Lợi PE100 hàn (Nối góc 45°)		Tê PE100 hàn (Ba chạc 90°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 45°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 60°)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
100	90	6.0	94,909	102,502	72,545	78,349	149,909	161,902	141,182	152,476	158,727	171,425
101	90	8.0	117,818	127,244	90,091	97,298	179,182	193,516	169,455	183,011	189,818	205,003
102	90	10.0	142,636	154,047	109,091	117,818	215,182	232,396	202,545	218,749	227,364	245,553
103	90	12.5	170,909	184,582	130,909	141,382						
104	90	16.0	204,455	220,811	156,273	168,775						
105	110	6.0	145,545	157,189	111,000	119,880	226,818	244,964	235,636	254,487	255,091	275,498
106	110	8.0	178,636	192,927	136,273	147,175	272,636	294,447	283,364	306,033	306,182	330,677
107	110	10.0	215,636	232,887	164,545	177,709	327,182	353,356	339,818	367,004	367,545	396,949
108	110	12.5	259,000	279,720	197,636	213,447						
109	110	16.0	311,091	335,978	237,091	256,058						
110	125	6.0	190,818	206,084	143,636	155,127	297,000	320,760	338,818	365,924	347,545	375,349
111	125	8.0	231,727	250,265	174,273	188,215	359,273	388,015	409,909	442,702	421,091	454,778
112	125	10.0	282,818	305,444	212,727	229,745	429,364	463,713	491,727	531,065	504,364	544,713
113	125	12.5	342,727	370,145	258,000	278,640						
114	125	16.0	410,909	443,782	309,091	333,818						
115	140	6.0	246,364	266,073	187,455	202,451	377,727	407,945	424,545	458,509	456,182	492,677
116	140	8.0	301,364	325,473	229,273	247,615	454,727	491,105	511,182	552,076	550,636	594,687
117	140	10.0	367,545	396,949	279,909	302,302	547,182	590,956	616,273	665,575	662,091	715,058
118	140	12.5	443,455	478,931	337,364	364,353						
119	140	16.0	533,545	576,229	406,000	438,480						
120	160	6.0	329,091	355,418	248,273	268,135	503,364	543,633	609,455	658,211	652,364	704,553
121	160	8.0	399,636	431,607	301,818	325,964	610,455	659,291	740,000	799,200	792,545	855,949
122	160	10.0	486,364	525,273	367,091	396,458	728,273	786,535	884,091	954,818	946,364	1,022,073
123	160	12.5	591,000	638,280	445,909	481,582						
124	160	16.0	705,909	762,382	532,545	575,149						
125	180	6.0	428,364	462,633	316,909	342,262	652,364	704,553	867,545	936,949	924,455	998,411
126	180	8.0	523,818	565,724	387,000	417,960	786,727	849,665	1,046,636	1,130,367	1,115,818	1,205,083
127	180	10.0	642,091	693,458	474,636	512,607	944,455	1,020,011	1,252,091	1,352,258	1,333,909	1,440,622
128	180	12.5	775,000	837,000	573,000	618,840						
129	180	16.0	926,455	1,000,571	684,455	739,211						
130	200	6.0	543,818	587,324	402,636	434,847	816,909	882,262	1,151,818	1,243,964	1,223,818	1,321,723
131	200	8.0	663,545	716,629	491,182	530,476	992,091	1,071,458	1,396,182	1,507,876	1,483,818	1,602,523
132	200	10.0	807,182	871,756	597,818	645,644	1,183,000	1,277,640	1,678,545	1,812,829	1,782,727	1,925,345

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 14-07-2023 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sàn Phẩm		Co PE100 hàn		Lõi PE100 hàn		Tê PE100 hàn		Y PE100 hàn		Y PE100 hàn	
			(Nối góc 90°)		(Nối góc 45°)		(Ba chạc 90°)		(Ba chạc 45°)		(Ba chạc 60°)	
	ĐK danh nghĩa	ĐK thực tế	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
133	200	12.5	978,545	1,056,829	724,364	782,313						
134	200	16.0	1,175,636	1,269,687	870,455	940,091						
135	225	6.0	709,818	766,604	512,091	553,058	1,067,091	1,152,458	1,551,000	1,675,080	1,677,091	1,811,258
136	225	8.0	869,909	939,502	628,000	678,240	1,282,273	1,384,855	1,878,182	2,028,436	2,031,000	2,193,480
137	225	10.0	1,059,273	1,144,015	764,273	825,415	1,546,091	1,669,778	2,248,091	2,427,938	2,431,182	2,625,677
138	225	12.5	1,282,727	1,385,345	925,455	999,491						
139	225	16.0	1,535,455	1,658,291	1,108,000	1,196,640						
140	250	6.0	1,062,727	1,147,745	816,909	882,262	1,343,636	1,451,127	1,988,182	2,147,236	2,146,909	2,318,662
141	250	8.0	1,309,091	1,413,818	1,006,273	1,086,775	1,625,000	1,755,000	2,402,909	2,595,142	2,595,727	2,803,385
142	250	10.0	1,594,364	1,721,913	1,225,364	1,323,393	1,945,364	2,100,993	2,878,091	3,108,338	3,108,364	3,357,033
143	250	12.5	1,927,818	2,082,044	1,481,364	1,599,873						
144	250	16.0	2,308,455	2,493,131	1,774,000	1,915,920						
145	280	6.0	1,425,909	1,539,982	1,055,455	1,139,891	1,734,091	1,872,818	2,506,182	2,706,676	2,779,273	3,001,615
146	280	8.0	1,741,364	1,880,673	1,288,636	1,391,727	2,095,273	2,262,895	3,029,000	3,271,320	3,358,091	3,626,738
147	280	10.0	2,120,091	2,289,698	1,569,000	1,694,520	2,508,091	2,708,738	3,640,455	3,931,691	4,036,182	4,359,077
148	280	12.5	2,561,636	2,766,567	1,895,636	2,047,287						
149	280	16.0	3,079,091	3,325,418	2,278,818	2,461,124						
150	315	6.0	2,046,545	2,210,269	1,495,000	1,614,600	2,259,818	2,440,604	3,375,636	3,645,687	3,791,364	4,094,673
151	315	8.0	2,521,727	2,723,465	1,842,091	1,989,458	2,729,091	2,947,418	4,072,727	4,398,545	4,574,636	4,940,607
152	315	10.0	3,069,364	3,314,913	2,242,273	2,421,655	3,284,091	3,546,818	4,896,455	5,288,171	5,500,091	5,940,098
153	315	12.5	3,703,727	4,000,025	2,705,273	2,921,695						
154	315	16.0	4,452,909	4,809,142	3,252,455	3,512,651						
155	355	6.0	3,161,909	3,414,862	2,131,273	2,301,775	4,151,545	4,483,669	4,467,000	4,824,360	4,956,818	5,353,363
156	355	8.0	3,899,455	4,211,411	2,628,818	2,839,124	5,015,182	5,416,396	5,393,000	5,824,440	5,984,909	6,463,702
157	355	10.0	4,742,545	5,121,949	3,196,909	3,452,662	6,033,636	6,516,327	6,485,364	7,004,193	7,196,636	7,772,367
158	355	12.5	5,726,000	6,184,080	3,860,000	4,168,800						
159	355	16.0	6,885,545	7,436,389	4,641,364	5,012,673						
160	400	6.0	4,107,273	4,435,855	2,863,000	3,092,040	5,411,455	5,844,371	6,203,000	6,699,240	6,911,364	7,464,273
161	400	8.0	5,039,545	5,442,709	3,513,364	3,794,433	6,554,545	7,078,909	7,486,273	8,085,175	8,342,091	9,009,458
162	400	10.0	6,151,455	6,643,571	4,288,364	4,631,433	7,871,818	8,501,564	9,005,182	9,725,596	10,034,818	10,837,603
163	400	12.5	7,424,909	8,018,902	5,175,818	5,589,884						
164	400	16.0	8,931,636	9,646,167	6,225,909	6,723,982						
165	450	6.0	5,404,636	5,837,007	3,840,545	4,147,789	7,066,636	7,631,967	8,586,455	9,273,371	9,296,273	10,039,975

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 14-07-2023 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm		Co PE100 hàn (Nối góc 90°)		Lợi PE100 hàn (Nối góc 45°)		Tê PE100 hàn (Ba chạc 90°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 45°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 60°)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	DN	ĐK danh nghĩa	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
166	450	8.0	6,634,364	7,165,113	4,714,364	5,091,513	8,554,364	9,238,713	10,386,727	11,217,665	11,245,000	12,144,600
167	450	10.0	8,088,000	8,735,040	5,747,364	6,207,153	10,256,273	11,076,775	12,463,545	13,460,629	13,494,636	14,574,207
168	450	12.5	9,783,545	10,566,229	6,952,273	7,508,455						
169	450	16.0	11,740,636	12,679,887	8,342,636	9,010,047						
170	500	6.0	7,603,636	8,211,927	5,653,455	6,105,731	8,977,909	9,696,142	13,782,818	14,885,444	14,436,636	15,591,567
171	500	8.0	8,850,818	9,558,884	6,580,364	7,106,793	10,864,818	11,734,004	16,694,000	18,029,520	17,485,545	18,884,389
172	500	10.0	10,762,091	11,623,058	8,001,364	8,641,473	13,020,455	14,062,091	19,991,636	21,590,967	20,939,000	22,614,120
173	500	12.5	13,035,000	14,077,800	9,691,091	10,466,378						
174	500	16.0	15,609,818	16,858,604	11,605,273	12,533,695						
175	560	6.0	9,920,455	10,714,091	7,237,364	7,816,353	14,299,818	15,443,804	20,689,818	22,345,004	21,803,545	23,547,829
176	560	8.0	12,162,273	13,135,255	8,872,636	9,582,447	17,270,818	18,652,484	24,989,364	26,988,513	26,334,182	28,440,917
177	560	10.0	14,847,455	16,035,251	10,831,182	11,697,676			29,999,636	32,399,607		
178	560	12.5	17,932,545	19,367,149	13,081,727	14,128,265						
179	630	6.0	13,486,182	14,565,076	9,414,182	10,167,316	18,689,364	20,184,513	27,557,364	29,761,953	29,381,909	31,732,462
180	630	8.0	16,594,818	17,922,404	11,583,909	12,510,622	22,532,727	24,335,345	33,225,364	35,883,393	35,425,727	38,259,785
181	630	10.0	20,229,000	21,847,320	14,120,818	15,250,484						
182	630	12.5	24,390,000	26,341,200	17,025,364	18,387,393						
183	710	6.0	19,034,000	20,556,720	12,660,364	13,673,193	25,169,364	27,182,913	39,921,182	43,114,876	42,459,545	45,856,309
184	710	8.0	23,355,000	25,223,400	15,534,182	16,776,916	30,579,545	33,025,909	48,501,818	52,381,964	51,585,818	55,712,683
185	710	10.0	28,364,818	30,634,003	18,866,273	20,375,575						
186	710	12.5	34,461,818	37,218,764	22,921,364	24,755,073						
187	800	6.0	26,181,273	28,275,775	16,538,000	17,861,040	34,494,545	37,254,109	52,909,818	57,142,604	56,720,455	61,258,091
188	800	8.0	32,187,273	34,762,255	20,331,818	21,958,364			64,581,182	69,747,676		
189	800	10.0	39,084,545	42,211,309	24,688,636	26,663,727						
190	900	6.0	37,048,273	40,012,135	23,463,909	25,341,022	48,023,182	51,865,036	73,072,818	78,918,644	78,645,727	84,937,385
191	900	8.0	45,424,455	49,058,411	28,768,818	31,070,324			89,216,636	96,353,967		
192	900	10.0	55,411,364	59,844,273	35,093,909	37,901,422						
193	1000	6.0	50,713,455	54,770,531	32,139,182	34,710,316	65,526,182	70,768,276	101,214,182	109,311,316	108,023,000	116,664,840
194	1000	8.0	62,498,909	67,498,822	39,607,636	42,776,247			121,456,000	131,172,480		
195	1000	10.0	76,784,364	82,927,113	48,660,818	52,553,684						
196	1200	6.0	83,318,545	89,984,029	51,408,455	55,521,131						
197	1200	8.0	97,950,727	105,786,785	60,437,091	65,272,058						

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 14-07-2023 đến khi có thông báo sửa đổi

Chú ý: Mặt bích hàn PE100 và PE80 giá như nhau

STT	Sản Phẩm		Mặt bích hàn (PE100, PE80)		STT	Sản Phẩm		Mặt bích hàn (PE100, PE80)		STT	Sản Phẩm		Mặt bích hàn (PE100, PE80)	
	DN ĐK danh nghĩa	PN	Chưa VAT	Thanh toán		DN ĐK danh nghĩa	PN	Chưa VAT	Thanh toán		DN ĐK danh nghĩa	PN	Chưa VAT	Thanh toán
198	200	10.0	472,727	510,545	227	400	10.0	1,769,000	1,910,520	256	630	8.0	6,772,727	7,314,545
199	200	16.0	472,727	510,545	228	400	12.5	1,987,818	2,146,843	257	630	10.0	8,000,000	8,640,000
200	225	6.0	719,818	777,403	229	400	16.0	2,264,000	2,445,120	258	630	12.5	8,372,727	9,042,545
201	225	8.0	747,727	807,545	230	450	6.0	1,930,636	2,085,087	259	630	16.0	8,590,909	9,278,182
202	225	10.0	777,091	839,258	231	450	8.0	2,191,455	2,366,771	260	710	6.0	11,454,545	12,370,909
203	225	12.5	813,364	878,433	232	450	10.0	2,501,000	2,701,080	261	710	8.0	13,454,545	14,530,909
204	225	16.0	855,364	923,793	233	450	12.5	2,843,636	3,071,127	262	710	10.0	15,272,727	16,494,545
205	250	6.0	746,273	805,975	234	450	16.0	3,278,182	3,540,437	263	710	12.5	16,818,182	18,163,637
206	250	8.0	779,909	842,302	235	450*	6.0	1,930,636	2,085,087	264	710	16.0	19,090,909	20,618,182
207	250	10.0	817,636	883,047	236	450*	8.0	2,191,455	2,366,771	265	800	6.0	16,181,818	17,476,363
208	250	12.5	865,091	934,298	237	450*	10.0	2,501,000	2,701,080	266	800	8.0	16,818,182	18,163,637
209	250	16.0	913,909	987,022	238	450*	12.5	2,843,636	3,071,127	267	800	10.0	17,272,727	18,654,545
210	280	6.0	869,364	938,913	239	450*	16.0	3,278,182	3,540,437	268	800	12.5	20,909,091	22,581,818
211	280	8.0	932,818	1,007,443	240	500	6.0	2,188,545	2,363,629	269	800	16.0	22,727,273	24,545,455
212	280	10.0	1,002,364	1,082,553	241	500	8.0	2,534,364	2,737,113	270	900	6.0	20,909,091	22,581,818
213	280	12.5	1,088,182	1,175,237	242	500	10.0	2,913,000	3,146,040	271	900	8.0	22,272,727	24,054,545
214	280	16.0	1,180,273	1,274,695	243	500	12.5	3,347,818	3,615,643	272	900	10.0	23,818,182	25,723,637
215	315	6.0	938,818	1,013,923	244	500	16.0	3,877,545	4,187,749	273	900	12.5	24,636,364	26,607,273
216	315	8.0	1,021,727	1,103,465	245	560	6.0	4,727,273	5,105,455	274	900	16.0	26,818,182	28,963,637
217	315	10.0	1,107,818	1,196,443	246	560	8.0	5,000,000	5,400,000	275	1000	6.0	23,363,636	25,232,727
218	315	12.5	1,210,455	1,307,291	247	560	10.0	5,590,909	6,038,182	276	1000	8.0	23,636,364	25,527,273
219	315	16.0	1,337,455	1,444,451	248	560	12.5	5,800,000	6,264,000	277	1000	10.0	24,727,273	26,705,455
220	355	6.0	1,183,364	1,278,033	249	560	16.0	6,032,727	6,515,345	278	1000	12.5	27,727,273	29,945,455
221	355	8.0	1,367,364	1,476,753	250	560*	6.0	4,727,273	5,105,455	279	1000	16.0	31,818,182	34,363,637
222	355	10.0	1,518,364	1,639,833	251	560*	8.0	5,000,000	5,400,000	280	1200	6.0	28,636,364	30,927,273
223	355	12.5	1,693,455	1,828,931	252	560*	10.0	5,590,909	6,038,182	281	1200	8.0	31,363,636	33,872,727
224	355	16.0	1,907,909	2,060,542	253	560*	12.5	5,800,000	6,264,000	282	1200	10.0	35,000,000	37,800,000
225	400	6.0	1,403,636	1,515,927	254	560*	16.0	6,032,727	6,515,345	283	1200	12.5	36,363,636	39,272,727
226	400	8.0	1,580,273	1,706,695	255	630	6.0	5,569,545	6,015,109	284	1200	16.0	38,636,364	41,727,273